TAND HUYỆN VĂN BÀN **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 27/8/2018.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Vĩnh Thái

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Hoàng Chuân.

2. Bà Vũ Thị Vẻ.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Nam - Thư ký Tòa án huyện Văn Bàn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Bà Lê Thu Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 49/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 5 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/8/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số:03/2018/QĐ-HNGĐ ngày 15/8/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nông Thị H, sinh năm 1989.

Nơi ĐKNKTT: Thôn V, xã K, huyện V, tỉnh L.

Tạm trú: xã P, huyện B, tỉnh L.

Vắng mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Anh Hà Xuân D, sinh năm 1982.

Nơi ĐKNKTT: Thôn V, xã K, huyện V, tỉnh L.

Vắng mặt tại phiên tòa.

3. Người làm chứng: - Bà Trần Thị L, sinh năm 1964 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn V, xã K, huyện V, tỉnh L.

- Bà Phạm Thị B, sinh năm 1950 - Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn V, xã K, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Nông Thị H trình bầy và đề nghị: Chị và anh Hà Xuân D tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11/12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh L. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do trước khi kết hôn chị và anh D chưa thật sự tìm hiểu kỹ về nhau dẫn đến luôn bất đồng trong việc làm ăn, nuôi dậy con cái, phong cách sống thì luôn trái ngược nhau. Mâu thuẫn trầm trọng nhất vào khoảng tháng 8/2016, cũng chỉ vì mâu thuẫn nhỏ chị và anh D xẩy ra cãi chửi, xúc phạm nhau thậm tệ, vì con cái chị đã cố chịu đựng chung sống với chồng để nuôi dậy con cái nhưng đến tháng 10/2016 chị thấy vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, không khí trong gia đình luôn căng thẳng, ngột ngạt nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ của mình sống từ đó cho đến nay. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng không thành. Trong thời gian ly thân với nhau, chị và anh D cùng nhìn nhận lại thực trạng gia đình mình và thử thách bản thân cũng như cho nhau cơ hội sửa chữa sai lầm của mỗi người nhưng vẫn không thể hòa hợp được. Nay Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị li hôn với anh Hà Xuân D để sớm đảm bảo cuộc sống cho cả hai bên và yên tâm nuôi dậy con cái.

Trong thời gian chung sống Chị và anh Hà Xuân D có 02 con chung: Cháu thứ nhất là Hà Thế A, sinh ngày 01/5/2008, hiện đang ở cùng chị; cháu thứ hai là Hà Hải Đ, sinh ngày 07/3/2014, hiện đang ở cùng anh D. Khi li hôn chị H đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Thế A; đề nghị anh Hà Xuân D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Hà Hải Đ cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản: Chị H và anh Hà Xuân D tự thỏa thuận; trong thời gian chung sống chị và anh D không vay ai tài sản gì và cũng không cho ai vay tài sản nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngày 02/5/2018 Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn thụ lý vụ án, ngày 04/5/2018 Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn giao thông báo thụ lý vụ án cho anh Hà Xuân D, hết thời hạn 15 ngày nhưng anh D không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị H. Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã triệu tập anh D đến làm việc nhưng anh D không chấp hành. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn đã phối hợp với chính quyền địa phương xuống tận gia đình anh D làm việc, giải thích quyền và nghĩa vụ cho anh D theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh D không nhất trí ly hôn nên không nhận bất cứ văn bản, giấy tờ liên quan đến vụ án do Tòa án giao, anh D từ chối làm việc, không trình bầy ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện. Ngày 28/5/2018 Tòa án nhân dân huyện văn bàn giao thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ cho anh D nhưng anh D không nhận, hết thời hạn cung cấp chứng cứ nhưng anh D không cung cấp chứng cứ, không đề nghị Tòa án tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Ngày 22/6/2018 Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh D không có mặt. Ngày 17/7/2018 Tòa án mở phiên hòa giải lần hai nhưng anh D cũng không có mặt. Ngày 15/8/2018 Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn mở phiên tòa xét xử vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh D vắng mặt tại phiên Tòa.

Việc tống đạt và làm việc với anh Hà Xuân D, nhiều lần anh D không hợp tác, không trình bầy ý kiến của mình chỉ có ý kiến không nhất trí ly hôn với chị H nên

không nhận các văn bản do Tòa án tống đạt. Từ cuối năm 2016 chị Nông Thị H thường xuyên đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về.

Kết quả thu thập chứng cứ xác minh tại xã K, huyện V: Chị Nông Thị H và anh Hà Xuân D tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh L ngày 11/12/2007. Vợ chồng anh, chị có hai con chung: Cháu thứ nhất là Hà Thế A, sinh ngày 01/5/2008; cháu thứ hai là Hà Hải Đ, sinh ngày 07/3/2014. Hiện cháu A đang ở cùng chị H; cháu Đ đang ở cùng anh D. Anh Hà Xuân D làm thợ xây tại địa phương, thu nhập bình quân là 50.000.000đ/01 người/01 năm.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát có ý kiến:

1/ Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Thẩm phán thụ lý giải quyết vụ án đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân theo đúng quy định về việc xét xử vụ án theo quy định tại các Điều 238, 239, 242, 254 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

2/ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn: Xử chị Nông Thị H được ly hôn với anh Hà Xuân D.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Hà Thế A, sinh ngày 01/5/2008 cho chị Nông Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Giao cháu Hà Hải Đ, sinh ngày 07/3/2014 cho anh Hà Xuân D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị H và anh Hà Xuân D không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Nguyên đơn chị Nông Thị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa xét thấy:

[1] Về áp dụng pháp luật: Nguyên đơn chị Nông Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh Hà Xuân D đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị H và anh Hà Xuân D tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 11/12/2007 tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện V, tỉnh L là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do trước

khi kết hôn vợ, chồng chưa thật sự tìm hiểu kỹ về nhau dẫn đến luôn bất đồng trong việc làm ăn, nuôi dậy con cái làm không khí trong gia đình luôn căng thẳng, ngột ngạt. Trầm trọng nhất vào khoảng tháng 8/2016, hai vợ chồng xảy ra cãi chửi, xúc phạm nhau thậm tệ, đến tháng 10/2016, chị H bỏ về nhà bố, mẹ đẻ sinh sống. Đến tháng 6/2018 chị H đón cháu Hà Thế A cùng về nhà bố mẹ đẻ của mình sống từ đó cho đến nay không ai quan tâm đến ai nữa. Xét thấy hôn nhân của chị Nông Thị H và anh Hà Xuân D lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài.

[3] Về con chung: Chị Nông Thị H và Hà Xuân D có 02 con chung: Cháu thứ nhất là Hà Thế A, sinh ngày 01/5/2008; cháu thứ hai là Hà Hải Đ, sinh ngày 07/3/2014. Hiện cháu Hà Thế A đang ở cùng chị H; cháu Hà Hải Đ đang ở cùng anh D, xét thấy chị H làm nghề trồng trọt, chăn nuôi và buôn bán thu nhập khoảng 5.000.000đ đến 6.000.000đ/01 tháng. Anh D làm thợ xây tại địa phương, thu nhập bình quân là 50.000.000đ/01 người/01 năm. Nên giao cháu Hà Thế A, sinh ngày 01/5/2008 cho chị Nông Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Hà Hải Đ, sinh ngày 07/3/2014 cho anh Hà Xuân D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp và đảm bảo quyền lợi của các chau.

[4] Về tài sản: Chị Nông Thị H và anh Hà Xuân D tự thỏa thuận; trong thời gian chung sống chị và anh D không vay ai tài sản gì và cũng không cho ai vay tài sản; anh Dự không có ý kiến gì về tài sản nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định của pháp luật nguyên đơn chị Nông Thị H phải chịu toàn bộ án phí vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình. Khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nông Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị H được ly hôn với anh Hà Xuân D.

Về quan hệ con chung: Giao cháu Hà Thế A, sinh ngày 01/5/2008 cho chị Nông Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Giao cháu Hà Hải Đ, sinh ngày 07/3/2014 cho anh Hà Xuân D chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Chị Nông Thị H và anh Hà Xuân D không bên nào phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2/ Về án phí: Chị Nông Thị H phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí

đã nộp theo biên lai số AA/2012/08138 ngày 02/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Nông Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh;*
- *VKSND tỉnh;*
- *VKSND huyện;*
- *UBND nơi ĐKKH;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HS, VP.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Vĩnh Thái